



NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
NHCS-TD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2007

## HƯỚNG DẪN

**Thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn**

Để triển khai Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định này như sau:

### I. MỘT SỐ NỘI DUNG ĐƯỢC HIỂU VÀ THỰC HIỆN THỐNG NHẤT TRONG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

#### 1. Hộ gia đình

Hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này (theo Điều 106 Bộ Luật dân sự).

2. Chủ hộ vay vốn tại NHCSXH là đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với NHCSXH, là cha hoặc mẹ hoặc người đại diện cho gia đình nhưng đã thành niên (đủ 18 tuổi) được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã sở tại xác nhận (sau đây gọi là người vay).

#### 3. Năng lực hành vi dân sự của người vay vốn

- Năng lực hành vi dân sự của người vay vốn là khả năng của người đó bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ vay vốn NHCSXH.

- Người mất năng lực hành vi dân sự: khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định (theo Điều 22 Bộ Luật dân sự).

- Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự: người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự (theo Điều 23 Bộ Luật dân sự).

4. Nơi cư trú hợp pháp của người vay vốn là nơi người đó thường xuyên sinh sống. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của người vay vốn theo

trên Giấy đề nghị vay vốn hoặc Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

**5. Dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh:** là những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng thu được trong một khoảng thời gian xác định đối với hoạt động cụ thể để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là phương án sản xuất).

**6. Góp vốn thực hiện các dự án hoặc phương án hợp tác kinh doanh được hiểu là:** do người vay vốn NHCSXH và các bên góp vốn tự nguyện sử dụng vốn vay góp vốn với các hộ, các tổ hợp, các chủ trang trại, các tổ chức kinh tế trên cùng địa bàn đang sinh sống có truyền thống làm ăn giỏi, trực tiếp thực hiện những phương án sản xuất. NHCSXH không cho vay góp vốn kinh doanh tiền tệ như mua bán chứng khoán, mua xổ số...

### **7. Vốn tự có tham gia vào phương án sản xuất, bao gồm:**

a. Vật tư: nguyên vật liệu, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi...

b. Quyền sử dụng đất: giá trị quyền sử dụng đất mà hộ nắm giữ theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê đất còn được sử dụng.

c. Giá trị tài sản trên đất: tính theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê tài sản còn được sử dụng.

d. Lao động: giá trị ngày công lao động mà người vay tham gia phương án sản xuất.

e. Vốn bằng tiền: tiền mặt, dư có các tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng, giá trị các chứng chỉ, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu...

### **8. Thời hạn cho vay**

#### **8.1. NHCSXH cho vay theo các thể loại:**

a. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

b. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

c. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn từ trên 60 tháng.

**8.2. NHCSXH nơi cho vay và người vay thỏa thuận về kỳ hạn nợ, thời hạn cho vay căn cứ vào:**

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn thu hồi vốn của phương án sản xuất;
- Khả năng trả nợ của người vay;
- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

#### **8.3. Định kỳ trả nợ gốc, lãi**

a. Đối với cho vay ngắn hạn thì không phải định kỳ hạn nợ, trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

b. Đối với cho vay trung và dài hạn phải định kỳ hạn nợ, mỗi kỳ hạn nợ là 6 tháng hoặc 1 năm. Đối với cho vay dài hạn, thời hạn ân hạn tối đa là 2 năm. Thời hạn ân hạn cụ thể do Giám đốc Ngân hàng nơi cho vay quyết định.

c. Giám đốc Ngân hàng nơi cho vay và người vay thoả thuận kỳ hạn trả lãi tiền vay hàng tháng hoặc hàng quý.

## **9. Mức cho vay**

**9.1.** Mức vốn cho vay đối với một hộ tối đa là 30 triệu đồng. Trong một số trường hợp cụ thể, mức cho vay của một hộ có thể trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng.

**9.2.** Công thức xác định mức cho vay cụ thể:

$$\text{Mức cho vay} = \frac{\text{Nhu cầu vốn của}}{\text{phương án sản xuất}} - \frac{\text{Vốn tự có tham gia vào}}{\text{phương án sản xuất}}$$

**9.3.** Hộ có phương án sản xuất có nhu cầu vay vốn cao hơn mức cho vay theo Quyết định 31/2007/QĐ-TTg, thì hộ vay vốn tự huy động thêm phần vốn còn thiếu theo cơ chế hiện hành của Nhà nước.

## **10. Phương thức cho vay**

**10.1.** Đối với mức cho vay đến 30 triệu đồng được thực hiện theo phương thức uỷ thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội như cơ chế uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đối với những nơi đã có Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) hoạt động thì Tổ trưởng Tổ TK&VV tổ chức kết nạp người vay vào Tổ để hộ có đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng.

Đối với những nơi chưa có Tổ TK&VV thì Ngân hàng nơi cho vay thoả thuận với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương chỉ đạo thành lập Tổ TK&VV tạo điều kiện cho người vay làm thủ tục vay vốn Ngân hàng.

**10.2.** Đối với mức cho vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại Hội sở Ngân hàng cấp tỉnh, cấp huyện.

## **11. Bảo đảm tiền vay**

**11.1.** Mức cho vay đến 30 triệu đồng, thì không phải thực hiện bảo đảm tiền vay nhưng người vay phải là thành viên Tổ TK&VV trên địa bàn do các tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

**11.2.** Mức cho vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, thì người vay phải có vốn tự có tham gia vào phương án sản xuất tối thiểu bằng 20% và phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

**12. NHCSXH không được cho vay những phương án sản xuất những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện.**

Theo Phụ lục số 01 Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ (đính kèm văn bản này).

## **II. THỦ TỤC VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHO VAY**

### **1. Đối với người vay đến 30 triệu đồng**

#### **1.1. Hồ sơ cho vay**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ (mẫu số 01/TD).
- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD)
- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD).
- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD)

#### **1.2. Quy trình cho vay**

a. Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ (mẫu số 01/TD) gửi Tổ TK&VV.

b. Tổ TK&VV nhận hồ sơ xin vay của người vay, tiến hành tổ chức họp Tổ để thảo luận, bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ trình UBND cấp xã xác nhận.

c. Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Giấy đề nghị vay vốn của từng người vay kèm Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), Tổ trưởng tổ TK&VV gửi bộ hồ sơ xin vay đến NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt.

d. Nhận được hồ sơ do tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã.

e. UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận uỷ thác) để tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục nhận tiền vay.

#### **1.3. Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi**

Việc tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo, người vay trực tiếp đến nhận tiền vay tại nơi quy định. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền vay nhưng phải có giấy uỷ quyền có xác nhận của UBND xã.

Mỗi lần giải ngân, thu nợ, thu lãi, kế toán ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định tại kế ước nhận nợ (phần III: phân theo dõi nợ vay- mẫu số 01/TD).

## **1.4. Xử lý nợ đến hạn**

a. Đến hạn trả nợ, người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH.

b. Điều chỉnh kỳ hạn nợ: Đối với khoản vay trung, dài hạn trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn).

c. Gia hạn nợ: Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng của thời hạn vay, người vay không trả được nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ.

## **2. Đối với người vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng**

### **2.1. Hồ sơ cho vay**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (mẫu số 01A/TD).
- Phiếu thẩm định (mẫu số 02/TD).
- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).
- Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (mẫu số 05/TD). Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (mẫu số 05A/TD).

### **2.2. Quy trình cho vay**

a. Người vay có nhu cầu vay vốn viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất theo mẫu 01A/TD, xin xác nhận của UBND cấp xã, gửi NHCSXH nơi cho vay.

b. NHCSXH nơi cho vay sau khi nhận được Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất, cán bộ NHCSXH được phân công tiến hành thẩm định theo mẫu số 02/TD.

c. Căn cứ vào kết quả thẩm định, cán bộ NHCSXH ghi rõ ý kiến cho vay hoặc không đủ điều kiện cho vay gửi Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tín dụng; Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hoặc thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.

d. Nếu được phê duyệt cho vay, NHCSXH và người vay lập Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (mẫu số 05/TD). Trường hợp không được vay, thì lập thông báo theo mẫu 04/TD gửi người vay.

### **2.3. Giải ngân**

NHCSXH trực tiếp giải ngân cho người vay một hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Người vay phải có chứng minh nhân dân. Trường hợp

người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền nhưng phải có giấy uỷ quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

Khi giải ngân cán bộ ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký nhận tiền vay theo quy định tại Phần theo dõi nợ vay, phân kỳ trả nợ - phụ lục Khế ước nhận nợ bao gồm cả liên lưu tại Ngân hàng và người vay giữ.

#### **2.4. Thủ tục bảo đảm tiền vay**

Sau khi tài sản bảo đảm tiền vay được hình thành, NHCSXH kiểm tra về số lượng, chất lượng, giá trị đã được cam kết trong Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay giữa ngân hàng với người vay để ký Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (mẫu số 05A/TD). Trường hợp tài sản hình thành từ vốn vay phải đăng ký giao dịch bảo đảm thì người vay phải thực hiện đăng ký theo quy định của pháp luật.

#### **2.5. Thu nợ, thu lãi**

Mỗi lần thu nợ, thu lãi cán bộ ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và ký xác nhận theo quy định tại Khế ước nhận nợ (phần theo dõi thu nợ - chuyển nợ quá hạn - dư nợ) (mẫu số 05/TD).

#### **2.6. Xử lý nợ đến hạn**

a. Đến hạn trả nợ: Người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH.

b. Điều chỉnh kỳ hạn nợ: Trường hợp người vay không trả nợ gốc đúng kỳ hạn trong khế ước nhận nợ thì trước 05 ngày phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/TD). NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ tiếp theo.

c. Gia hạn nợ: Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 09/TD gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

#### **2.7. Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay**

Đến hạn người vay không trả được nợ, NHCSXH được phát mại tài sản bảo đảm nợ vay theo Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (mẫu số 05A/TD) đã ký kết. Việc phát mại tài sản được thực hiện theo qui định của pháp luật.

### **3. Cho vay lưu vụ**

**3.1. Trường hợp áp dụng:** Chỉ áp dụng cho vay lưu vụ đối với các khoản vay ngắn hạn có chu kỳ kế tiếp như chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước.

**3.2. Điều kiện cho vay lưu vụ**

### **3.2. Điều kiện cho vay lưu vụ**

- a. Khoản vay đã đến hạn trả nhưng người vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liên kế;
- b. Phương án sản xuất đang vay có hiệu quả;
- c. Người vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước.

**3.3. Mức cho vay lưu vụ:** Tối đa không quá số dư nợ còn lại trên Khế ước nhận nợ đến ngày cho vay lưu vụ.

**3.4. Thời hạn cho vay lưu vụ:** Là thời hạn của chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đã ghi trong khế ước nhận nợ.

**3.5. Lãi suất cho vay:** Được áp dụng theo lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay lưu vụ.

Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay làm Giấy đề nghị cho vay lưu vụ (mẫu số 07/TD) gửi NHCSXH, các thủ tục khác không phải lập lại. NHCSXH không thực hiện việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ.

Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, NHCSXH phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định vào cả Khế ước nhận nợ lưu tại NHCSXH và của người vay.

### **4. Chuyển nợ quá hạn**

- Đến kỳ hạn trả nợ đối với người vay trên 30 triệu đồng, nếu không được ngân hàng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ thì chuyển số tiền đến hạn của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ, NHCSXH không chấp thuận cho gia hạn nợ thì chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Các trường hợp người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ số dư nợ gốc.

### **5. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay**

**5.1. Đối với người vay vốn đến 30 triệu đồng, thực hiện phương thức uỷ thác từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp đảm nhận các phần việc**

#### **a. Tổ TK&VV**

- Tổ TK&VV có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện vay vốn của người vay khi nhận Giấy đề nghị vay vốn từ người vay để xác định đúng đối tượng được vay.

- Thường xuyên làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đôn đốc người vay trong Tổ TK&VV sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng kỳ hạn cam kết; chứng kiến và kiểm tra các buổi giải ngân cho vay, thu nợ, thu lãi.

- Cùng với các tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ NHCSXH bàn bạc thống nhất ý kiến xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ bị rủi ro trình UBND cấp xã đề nghị xử lý.

## b. Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

- Chỉ đạo và tham gia cùng Tổ TK&VV tổ chức họp Tổ để bình xét công khai người vay có nhu cầu xin vay vốn và đủ điều kiện vay đưa vào Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

- Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay theo hình thức đối chiếu công khai (mẫu số 06/TD) và thông báo kịp thời cho Ngân hàng nơi cho vay về các trường hợp sử dụng sai mục đích, vay ké, bỏ trốn, chết, mất tích, bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn...) để có biện pháp xử lý kịp thời. Phối hợp cùng NHCSXH và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn và hướng dẫn người vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

- Chỉ đạo và giám sát Ban quản lý Tổ TK&VV trong việc thực hiện Hợp đồng uỷ nhiệm đã ký với NHCSXH.

## c. Đối với NHCSXH

- Thực hiện kiểm tra đối chiếu Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) với Danh sách thành viên Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD). Kiểm tra tính pháp lý của bộ hồ sơ xin vay theo quy định.

- Định kỳ hoặc đột xuất, lãnh đạo NHCSXH mời các thành viên trong Ban đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ TK&VV, của người vay và của tổ chức Hội cấp dưới trong việc chấp hành chính sách tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn vay của người vay.

- Chủ động tổ chức giao ban định kỳ tại các Điểm giao dịch lưu động tại xã để trao đổi về kết quả uỷ thác, tồn tại, vướng mắc, bàn giải pháp và kiến nghị xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ bị rủi ro, nợ bị xâm tiêu (nếu có)...

### 5.2. Đối với người vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng

NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay;
- Kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay;
- Kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD).

### 5.3. Xử lý sau khi kiểm tra

Giám đốc NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý như sau:

a. Tạm ngừng cho vay trong các trường hợp: Người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, không thực hiện đúng cam kết tài sản bảo đảm tiền vay, cung cấp thông tin sai sự thật.

b. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp: Người vay vi phạm những điều khoản trong kế ước nhận nợ đã cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa.

c. Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:



- Người vay vi phạm các qui định trong kế ước nhận nợ đã được NHCSXH thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Người vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng;

- Người vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ ngân hàng;

- Người vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

## **6. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan**

Thực hiện theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 24/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH.

## **7. Lưu trữ hồ sơ vay vốn**

Toàn bộ hồ sơ cho vay được lưu giữ tại bộ phận kế toán NHCSXH nơi cho vay.

# **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Công tác kế hoạch**

Hàng năm, ngân hàng cơ sở lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay đối với chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn gửi ngân hàng cấp trên trực tiếp theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

## **2. Hạch toán kế toán**

Việc hạch toán về Tín dụng hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn được hạch toán theo dõi theo quy định của NHCSXH.

## **3. Chế độ báo cáo thống kê**

Chế độ báo cáo thống kê về Tín dụng hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

4. Đối với người vay trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, giao cho Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh phê duyệt cho vay. Mức dư nợ của loại cho vay này không vượt quá 3% dư nợ cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

5. NHCSXH tại các địa phương có các xã thuộc vùng khó khăn theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg có trách nhiệm báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai thực hiện Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg.

6. Tổ chức triển khai phổ biến nội dung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội, Tổ trưởng tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã để triển khai chương trình cho vay đúng quy định.

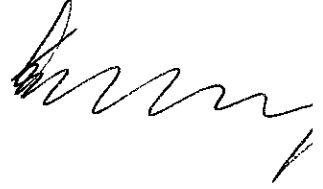
7. Tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách, danh sách hộ được vay vốn, công khai dư nợ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

8. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Hội sở chính NHCSXH để xem xét, giải quyết. /

**Nơi nhận:**

- Ban dân vận TW;
- Ủy ban dân tộc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội LHPN VN;
- Hội ND VN;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- Hội CCB VN;
- Chủ tịch HĐQT, Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Các phòng, Ban tại Hội sở chính;
- Trung tâm đào tạo;
- Trung tâm CNTT;
- Đại diện Văn phòng khu vực miền Nam;
- Website NHCSXH;
- Lưu VP, phòng NVTD.

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**



**Hà Thị Hạnh**

# PHỤ LỤC

## DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHO VAY

(Theo phụ lục số 1 Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006)

### 1. Hàng hoá

- Vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng;

- Các chất ma tuý;

- Các hoá chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế);

- Các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách;

- Các loại pháo;

- Đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả các chương trình trò chơi điện tử);

- Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm hoặc chưa được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Thực vật, động vật hoang dã (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến) thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác và sử dụng;

- Thủy sản cấm khai thác, thủy sản có dư lượng chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép, thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người;

- Phân bón không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

- Giống cây trồng không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái;

- Giống vật nuôi không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh, giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái;

- Khoáng sản đặc biệt, độc hại;

- Phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường;

- Các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hoá chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam;

- Các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam;

- Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm có nguy cơ cao, thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ, thực phẩm có gen đã bị biến đổi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amfibole;

## **2. Dịch vụ**

- Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức;

- Dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

- Hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời;

- Hoạt động kinh doanh môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời.

Trong trường hợp chưa rõ đối tượng và giao dịch bị cấm, chi nhánh cần chủ động hỏi Sở tư pháp địa phương.

# DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

(Cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn kèm theo văn bản số.677/NHCS-TD ngày 22/4/2007)

STT	MẪU SỐ	TÊN MẪU BIỂU
1	01/TD	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án SX và kế ước nhận nợ
2	01A/TD	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất
3	02/TD	Phiếu thẩm định
4	03/TD	Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH
5	04/TD	Thông báo phê duyệt cho vay
6	05/TD	Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay
7	05A/TD	Kế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung
8	06/TD	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
9	07/TD	Giấy đề nghị cho vay lưu vụ
10	08/TD	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ
11	09/TD	Giấy đề nghị gia hạn nợ
12	10/TD	Biên bản họp tổ tiết kiệm và vay vốn V/v:.....
13	11/TD	Hợp đồng uỷ nhiệm giữa NHCSXH với Tổ TK&VV V/v:.....
14	12/TD	Bảng kê các khoản thu
15	14/TD	Thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn
16	15/TD	Danh sách đối chiếu dư nợ vay

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
**KIỂM PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VÀ KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ**  
Số:...../KU

**I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI VAY**

**Kính gửi:** Ngân hàng Chính sách xã hội .....

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....  
- Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....  
- Địa chỉ cư trú:thôn.....; xã.....huyện.....  
- Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) .....làm tổ trưởng.  
- Thuộc tổ chức Hội.....quản lý.
2. Họ tên người thừa kế:.....Năm sinh .....Quan hệ với người vay.....  
- Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng để dùng vào việc:

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền</b>
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

- Thời hạn xin vay: ... tháng; Kỳ hạn trả nợ:....tháng/lần.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

- Lãi suất cho vay:...%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: .....%lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng/quý, vào ngày .....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Tổ trưởng tổ TK&VV**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng .... năm .....

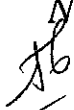
**Người vay**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

**II. PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG**

1. Số tiền cho vay: .....đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất: .....%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: .....% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: ..... tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**  
**(Tổ trưởng) TD**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....  
 **Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

### III. PHẦN THEO DÕI NỢ VAY

#### 1. Phát tiền vay

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền vay từng lần	Tổng dư nợ	Chữ ký	
				Người vay	Cán bộ ngân hàng

#### 2. Theo dõi gia hạn nợ, cho vay lưu vụ, xử lý rủi ro,...

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Chữ ký Cán bộ Ngân hàng





**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN  
KIÊM PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT**

1. Họ và tên người vay:..... năm sinh.....  
CMND số ..... Ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....
2. Họ và tên người thừa kế:..... năm sinh.....  
Quan hệ với người vay: .....
- CMND số ..... Ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp:.....  
Địa điểm thực hiện phương án: .....

**I. BỐI CẢNH CHUNG**

1. Môi trường kinh doanh: .....
- Đánh giá chung: .....
  - Lý do thực hiện phương án: .....
2. Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của người vay:  
- .....  
- .....

**II. MỤC TIÊU DỰ ÁN**

1. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận:  
.....  
.....
2. Giải quyết việc làm cho: ..... người

**III. NỘI DUNG DỰ ÁN**

1. Mặt bằng, năng lực sản xuất:  
- Diện tích đất sản xuất: .....m<sup>2</sup>.  
- Nhà xưởng, kho bãi, chuồng trại chăn nuôi (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động).....  
.....  
- Máy móc, thiết bị (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động).....  
.....
2. Nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:  
a. Đầu tư trang thiết bị  
- Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):.....  
.....  
- Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):.....  
.....
- b. Đầu tư vốn lưu động  
Vật tư, nguyên, nhiên liệu (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

c. Nhu cầu sử dụng lao động

- Lao động hiện có: .....người.

- Lao động tăng thêm: .....người.

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án sản xuất:.....đồng

- Vốn tự có: .....đồng (tỷ lệ....%), trong đó: Vốn bằng tiền.....đ

- Tổng số vốn xin vay NHCSXH: .....đồng

4. Hiệu quả của phương án sản xuất:

a. Tổng doanh thu:.....đồng, trong đó:

- Thu bán hàng (đơn giá x số lượng = tiền): .....

- .....

b. Tổng chi phí:.....đồng

+ Chi phí nguyên vật liệu (đơn giá X định mức x số lượng=tiền).....

+ Chi phí nhân công:.....

+ Chi phí trả lãi tiền vay:.....

+ Chi phí khác:.....

c. Lợi nhuận:.....đồng.

5. Thời gian thực hiện phương án sản xuất: .....

6. Thời hạn vay vốn: .....tháng.

Kế hoạch trả nợ:

Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ

Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ

Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ Ngày...../...../....., Số tiền:.....đ

7. Lãi suất vay: .....%/tháng

8. Cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Thời gian hình thành tài sản: Ngày...../...../.....

**IV. CAM KẾT CỦA NGƯỜI VAY**

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả tiền vốn và lãi đúng thời hạn Ngân hàng Chính sách xã hội.

....., ngày..... tháng.... năm 200....

**Xác nhận của UBND xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Người vay**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

## PHIẾU THẨM ĐỊNH

Họ và tên người vay:.....năm sinh.....  
CMND số .....ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Địa điểm thực hiện phương án: .....

### A. Thành phần tham gia thẩm định

1. Ông (bà).....Chức vụ: .....
2. Ông (bà).....Chức vụ: .....
3. Ông (bà).....Chức vụ: .....

### B. Nội dung thẩm định

#### 1. Đánh giá thực trạng người vay thực hiện phương án:

a. Thực trạng sản xuất, kinh doanh của người vay (ngành nghề sản xuất, tình trạng tư liệu sản xuất, nguồn vốn hiện có của hộ): .....

b. Thực trạng lao động tham gia phương án sản xuất (số người trong hộ, tình trạng việc làm, thu nhập).....

#### 2. Mục tiêu của phương án sản xuất:

a. Khả năng phát triển kinh tế của người vay, ngành nghề lựa chọn, nhu cầu và mục đích vay vốn:.....

b. Mục tiêu tạo việc làm cho người lao động (số lao động được giải quyết việc làm và khả năng thu nhập của người lao động trong phương án): .....

#### 3. Hiệu quả phương án sản xuất:

##### a. Tăng thu nhập, tăng tích lũy để trả nợ vay:

- Tổng doanh thu:.....đồng, trong đó:

Thu bán hàng: (đơn giá x số lượng=tiền).....

- Tổng chi phí:.....đồng, trong đó:

+ Chi phí nguyên vật liệu (đơn giá X định mức x số lượng=tiền)

+ Chi phí nhân công:.....

+ Chi phí trả lãi tiền vay:.....

+ Chi phí khác:.....

- Lợi nhuận:.....đồng.

b. Trả nợ từ các nguồn khác.....

4. Cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay

Loại tài sản	Số lượng	Giá trị
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Thời gian hình thành tài sản: Ngày.../.../....

5. Kết luận: (tính khả thi của phương án, hiệu quả và khả năng hoàn trả vốn):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**C. Nội dung cho vay**

Căn cứ phương án sản xuất và kết quả thẩm định; Ngân hàng Chính sách xã hội đồng ý cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền cho vay:.....đồng.

2. Thời hạn cho vay: ..... tháng; Hạn trả nợ cuối cùng: ngày ...../...../.....

3. Lãi suất tiền vay:.....%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:.....%lãi suất khi cho vay.

4. Mục đích sử dụng tiền vay: .....

.....  
.....  
.....

**Cán bộ cho vay**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**  
(Tổ trưởng) TD  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ TK&VV: .....  
 Thôn: .....  
 Xã: .....  
 Huyện: .....

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH**  
**ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Mẫu số: 03/TD  
 Lấp 03 liên: - 02 liên lưu NH  
 (01 liên đóng chứng từ,  
 01 liên lưu hồ sơ cho vay)  
 - 01 liên lưu tổ TK&VV

Chương trình cho vay.....

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày ..... / ..... / ..... đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	
1						8	
2							
3							
.....							
	<b>Cộng:</b>						

Đơn vị: nghìn đồng

**Cam kết của tổ**

Toàn tổ cam kết giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, sử dụng vốn vay đúng mục đích và đôn đốc nhau trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết.

Ngày ... tháng ... năm .....

**Phần xác nhận của UBND xã**

Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ.....  
 .....  
 .....

Ngày ... tháng ... năm ...

**Phê duyệt của Ngân hàng**

Số hộ được vay vốn đợt này: .....hộ.  
 Tổng số tiền cho vay: ..... đồng.  
 Số hộ chưa được vay đợt này: .....hộ, có số thứ tự trong danh sách là:.....

*(Chữ ký)*

**Tổ trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**UBND xã**  
 (Ký tên, đóng dấu)

**Cán bộ tín dụng**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**  
 (Tổ trưởng) TD

**Giám đốc**  
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04/TD

Lập 02 liên:

- 01 liên lưu T.Đ,

- 01 liên lưu NH

NHCSXH tỉnh.....

PGD:.....

-----\*-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

....., ngày..... tháng..... năm .....

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

**Kính gửi:** .....

Căn cứ hồ sơ cho vay đã được phê duyệt, NHCSXH ..... thông báo kết quả phê duyệt cho vay như sau:

1. Tổng số hộ được vay đợt này (kèm danh sách mẫu số 03/TD nếu có): ..... hộ.

Số tiền:.....đồng. Bằng chữ: .....

.....

2. Số hộ chưa được vay đợt này: .....hộ

- Có số thứ tự trong danh sách là: .....

- Số tiền:.....đồng.

3. Lịch phát tiền vay vào ..... giờ ..... phút, ngày .....tháng ..... năm .....  
tại địa điểm .....

Đề nghị ..... thông báo cho những người được vay đến địa điểm và thời gian nêu trên để nhận tiền vay.



**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

**KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ KIÊM CAM KẾT  
BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY**  
Số: ...../KƯ

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ..... tại ..... chúng tôi gồm:

**Bên cho vay** (sau đây gọi tắt là Bên A):

- Ngân hàng Chính sách xã hội: .....
- Địa chỉ: .....
- Người đại diện Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Giấy uỷ quyền (nếu có) số: ..... ngày.../.../.....do ông (bà) ..... uỷ quyền.

**Bên vay** (sau đây gọi tắt là Bên B):

1. Họ và tên người vay: ..... năm sinh.....  
CMND số ..... ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....
2. Họ và tên người thừa kế: ..... năm sinh.....  
Quan hệ với người vay:.....  
CMND số ..... ngày cấp .../.../..... Nơi cấp:.....

**Hai Bên cùng thỏa thuận nội dung sau đây:**

**Điều 1. Nội dung cho vay**

- 1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): ..... đồng  
Bằng chữ: .....
- 1.2. Mục đích sử dụng tiền vay:  
.....  
.....

1.3. Thời hạn cho vay:.....tháng; Hạn trả nợ cuối cùng, ngày ...../...../.....  
Định kỳ hạn trả nợ gốc ..... kỳ, ..... tháng/lần.

1.4. Lãi suất cho vay: ....%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: ....% lãi suất khi cho vay.  
Tiền lãi trả theo định kỳ tháng/quí, vào ngày...../...../.....

**Điều 2. Phát tiền vay**

Phát tiền vay một hay nhiều lần:.....

**Điều 3. Hình thức bảo đảm tiền vay**

3.1. Cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

3.2. Thoả thuận thời gian tài sản sẽ hình thành: Ngày...../...../.....

## **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của bên A.**

### *4.1. Quyền của bên A*

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của bên B.
- b. Ngừng cho vay và thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn vay sai mục đích.
- c. Đến kỳ hạn trả nợ, bên B không được cho vay lưu vụ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, cho gia hạn nợ thì chuyển số dư nợ đến hạn phải trả sang nợ quá hạn.
- d. Được phát mại các tài sản hình thành từ vốn vay để thu nợ khi bên B không trả được nợ.
- e. Yêu cầu bên B thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

### *4.2- Nghĩa vụ của bên A*

- a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.
- b. Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện phương án sản xuất của bên B, thu hồi nợ (gốc và lãi).

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên B**

### *5.1. Quyền của bên B*

- a. Được trả nợ trước hạn.
- b. Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận.

### *5.2. Nghĩa vụ của bên B*

- a. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích xin vay. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.
- c. Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để bảo đảm cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.
- d. Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A trong sử dụng vốn vay.

**Điều 6.** Khế ước nhận nợ có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

## **Điều 7. Cam kết chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Khế ước nhận nợ này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

Khế ước nhận nợ này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**Đại diện bên B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện bên A**  
(Ký tên, đóng dấu)





**3. THEO DÕI THU NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, DƯ NỢ:**

Ngày, tháng, năm	Thu nợ trong hạn		Chuyển nợ quá hạn	Thu nợ quá hạn		Dư nợ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trở: Nợ quá hạn

**KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ KIÊM CAM KẾT BẢO ĐẢM  
TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY BỔ SUNG**

(Kèm theo khế ước nhận nợ số ...../KU ngày ... tháng ... năm .....)

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm ..... tại ..... chúng tôi gồm:

**Bên cho vay** (sau đây gọi tắt là Bên A)

- Ngân hàng Chính sách xã hội: .....
- Địa chỉ:.....
- Người đại diện Ông (bà): ..... Chức vụ:.....
- Giấy uỷ quyền (nếu có) số: ..... ngày...../...../..... do ông (bà) .....  
..... uỷ quyền.

**Bên vay** (sau đây gọi tắt là Bên B)

- Họ và tên người vay:..... năm sinh.....  
CMND số ..... ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....
- Họ và tên người thừa kế:..... năm sinh.....  
Quan hệ với người vay:.....  
CMND số ..... ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp:.....

**Hai Bên cùng thỏa thuận nội dung sau đây:**

Căn cứ Khế ước nhận nợ số...../KU ngày ..... /...../....., hai bên thống nhất lập Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung với các nội dung thỏa thuận sau:

**Điều 1. Danh mục tài sản hình thành từ vốn vay làm bảo đảm nợ vay**

STT	Tên tài sản	Số lượng	Chủng loại	Đặc điểm kỹ thuật	Giá trị
	<b>Tổng cộng</b>				

**Điều 2. Giữ và sử dụng tài sản, giữ giấy tờ của tài sản hình thành từ vốn vay**

- Bên A giữ:.....

- Bên B giữ: .....

.....

**Điều 3:** Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tài sản tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung là bộ phận không tách rời của Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay số:...../KU ngày ...../...../.....

Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**Bên B**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Bên A**

(Ký tên, đóng dấu)

CN NHCSXH TỈNH.....  
PGD:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06/TTD  
Lập 02 liên:  
- 01 liên lưu NH;  
- 01 liên lưu TĐ

**PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY**  
(Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra: ....., chức vụ .....,  
Thời điểm kiểm tra: ....., địa bàn kiểm tra: .....

PHẦN GHI THEO HỒ SƠ CHO VAY				PHẦN KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI HỘ VAY VỐN					
Số t	Số số vay (Khế uớc)	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
						Vào việc	Số tiền		
1									
2									
3									
4									
...									

**Nhận xét:** Kiểm tra, đối chiếu thực tế được ..... hộ, số tiền ..... đồng. Trong đó:  
- Số hộ sử dụng đúng mục đích: ..... hộ, số tiền: ..... đồng, tỷ trọng: ..... %.  
- Số hộ sử dụng sai mục đích: ..... hộ, số tiền: ..... đồng, tỷ trọng: ..... %.

*(Chữ ký)*

**Biện pháp xử lý:**

Ngày ....., tháng ....., năm .....

**Cán bộ kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

\*\*\*\*\*

## GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY LƯU VỤ

**Kính gửi:** Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....  
Địa chỉ cư trú tại: ..... xã (phường, thị trấn).....  
Huyện (quận, thị xã)..... tỉnh (thành phố).....  
Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà) ..... làm tổ trưởng.  
Thuộc tổ chức Hội..... quản lý.  
Số TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số: .....; lập ngày ... / ... /.....  
Nay tôi đã trả hết lãi tiền vay Ngân hàng nhưng còn nợ số tiền gốc là: .....đồng.  
Theo thỏa thuận tôi phải trả nợ vào ngày ..... / ..... / .....  
Hiện nay phương án sản xuất, kinh doanh của tôi đang có hiệu quả và gia đình tôi có  
nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn vay. Tôi viết giấy này đề nghị Ngân hàng xem xét cho  
tôi vay lưu vụ số tiền gốc: .....đồng.(Bằng chữ: .....  
.....).

- Thời hạn xin vay: ..... tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày ..... / ..... / .....

- Lãi suất: .....%/tháng.

Lãi tiền vay xin trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người vay**

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

**Tổ TK&VV**

(Ký, ghi rõ họ tên)

### PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Số tiền cho vay lưu vụ:.....đồng. (Bằng chữ.....)

2. Thời hạn cho vay:.....tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày ..... / ..... / .....

3. Lãi suất cho vay:.....%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: .....% lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay trả theo định kỳ tháng/quý, vào ngày.....

Ngày ....tháng .... năm....

**Cán bộ tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**

(**Tổ trưởng**) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)



\*\*\*\*\*

## GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên người vay..... Năm sinh:.....

Địa chỉ cư trú tại: thôn..... xã..... huyện.....

Là thành viên tổ TK&VV do ông (bà)..... làm tổ trưởng.

Thuộc tổ chức Hội..... quản lý.

Số TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số: .....; lập ngày ... / ... /.....

Theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận, đến nay tôi chưa trả được nợ Ngân hàng vì lý do:.....

.Đề nghị Ngân hàng cho tôi được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc như sau:

Kỳ hạn nợ theo cam kết		Đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mới	
Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc

**Tổ TK&VV**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày....tháng....năm.....  
**Người vay**  
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

### PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

Kỳ hạn trả nợ mới		Kỳ hạn trả nợ mới	
Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc

**Cán bộ tín dụng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**  
(tổ trưởng) TD  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ....tháng .... năm.....  
**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)